

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35/2021/DS-ST**

Ngày: 19/3/2021

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Hữu Trọng

- Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Hùng - Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐXXST-DS ngày 18/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-DS ngày 19/02/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D; địa chỉ: Tòa nhà C, số 109 phố T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phạm Huy T; chức vụ: Tổng Giám đốc - Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D.

Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn: Ông Đinh Thái S; chức vụ: Cán bộ kinh doanh, phòng Kinh doanh - Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D, Chi nhánh Thủ Đô (Văn bản ủy quyền số 08/2021/UQ-GĐ ngày 18/3/2021). Có mặt.

- **Bị đơn:** 1. Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1977;

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1979.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm T, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội. Điều vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn trình bày:**

Năm 2011, Ngân hàng thương mại cổ phần D, Chi nhánh Hoàn Kiếm - nay là Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D, Chi nhánh Thủ Đô (sau đây gọi tắt Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D là Ngân hàng) ký “*Hợp đồng tín dụng*” số 0090/HĐTD/GPBHK/2011 và “*Khế ước nhận nợ*” số 01.0090/KUNN-GPBHK/11 cùng ngày 11/3/2011 cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân D, bà Nguyễn Thị Đ (sau đây gọi tắt là vợ chồng ông D) vay 600.000.000 đồng để sửa chữa nhà và mua sắm đồ dùng trong gia đình. Thời hạn vay 12 tháng; lãi suất vay là lãi suất thả nổi được điều chỉnh hàng tháng theo thông báo biểu lãi suất của Ngân hàng, lãi suất tại thời điểm nhận nợ là 21%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn được xác định tại thời điểm khoản vay chuyển sang nợ quá hạn; tiền gốc trả vào cuối kỳ (ngày 10/3/2012), tiền lãi trả hàng tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay, Ngân hàng và vợ chồng ông D ký kết “*Hợp đồng thế chấp tài sản*” được công chứng tại Văn phòng công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội số 1207/2011/HĐTC ngày 09/3/2011; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chương Mỹ ngày 10/3/2011. Theo đó, tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên thửa đất số 63, tờ bản đồ 06, diện tích 402m², địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội. Đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 367100, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00372, do Ủy ban nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội cấp ngày 24/8/2010 mang tên ông Nguyễn Xuân D và bà Nguyễn Thị Đ.

Quá trình thực hiện, vợ chồng ông D không thanh toán được nợ đúng hạn, Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo và đến làm việc trực tiếp để đôn đốc, tuy nhiên vợ chồng ông D vẫn không trả được nợ nên khoản vay đã quá hạn từ ngày 10/3/2012.

Ngày 11/9/2013, vợ chồng ông D tự nguyện bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng để xử lý, thu hồi nợ. Vợ chồng ông D đã ủy quyền cho Ngân hàng được thay mặt và nhân danh vợ chồng ông D có toàn quyền quyết định về giá cả, phương thức bán tài sản theo “*Hợp đồng ủy quyền*” được công chứng tại Văn phòng công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội số 2481.2013/HĐUQ ngày 17/9/2013. Sau đó Ngân hàng đã làm thủ tục bán tài sản bảo đảm được 350.000.000 đồng. Sau khi trừ các chi phí định giá, bán đấu giá tài sản, số tiền bán tài sản còn lại là 342.766.000 đồng được trừ vào nợ gốc.

Như vậy, tính đến ngày 17/3/2021 vợ chồng ông D đã trả được 475.499.816 đồng (trong đó tiền gốc là 342.766.000 đồng, tiền lãi là 132.733.816 đồng). Hiện vợ chồng ông D còn nợ Ngân hàng 1.836.427.200 đồng (trong đó nợ gốc là 257.234.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 8.991.391 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.541.201.201 đồng, nợ lãi phạt chậm trả tiền lãi là 29.000.608 đồng).

Ngân hàng yêu cầu buộc vợ chồng ông D phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 17/3/2021 nêu trên; Ngân hàng tự nguyện rút yêu cầu buộc vợ chồng ông D phải thanh toán khoản nợ lãi phạt chậm trả tiền lãi là 29.000.608 đồng. Ngoài ra, vợ chồng ông D còn phải tiếp tục chịu lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 18/3/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp vợ chồng ông D không thanh toán được khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Ý kiến của bị đơn:

- Ông Nguyễn Xuân D thừa nhận việc vay nợ, số tiền vay, việc ký kết “*Hợp đồng thế chấp tài sản*” và bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng như Ngân hàng trình bày là đúng. Tuy nhiên, ông đề nghị Ngân hàng xem xét lại việc bán tài sản thế chấp của ông với giá 350.000.000 đồng là quá thấp.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Đ theo quy định của pháp luật, nhưng bà Nguyễn Thị Đ không

đến Tòa án làm việc, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không gửi cho Tòa án ý kiến của mình đối với việc giải quyết vụ án.

- **Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:** Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn; ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc rút yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán khoản nợ lãi phạt chậm trả tiền lãi; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được đề nghị Cơ quan Thi hành án thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- **Về tố tụng:** Vợ chồng ông D không có đăng ký kinh doanh và vay vốn của Ngân hàng với tư cách cá nhân để sửa chữa nhà và mua sắm đồ dùng trong gia đình. Nay tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán nên đây là tranh chấp dân sự. Căn cứ các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Trước khi mở phiên tòa xét xử vụ án, do không tổng đạt trực tiếp được cho vợ chồng ông D vì vợ chồng ông D không có mặt ở nhà nên Tòa án đã niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng vợ chồng ông D vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng ông D.

- **Về nội dung yêu cầu của nguyên đơn:**

[1]. Về yêu cầu buộc vợ chồng ông D phải thanh toán khoản nợ tính đến ngày 17/3/2021 và tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 18/3/2021:

- Đối với khoản tiền gốc và tiền lãi (lãi trong hạn và lãi quá hạn):

Xét thấy: Thỏa thuận của các bên về số tiền vay, lãi suất, nghĩa vụ thanh toán ghi trong “*Hợp đồng tín dụng*” số 0090/HĐTD/GPBHK/2011 và “*Khế ước nhận nợ*” số 01.0090/KUNN-GPBHK/11 cùng ngày 11/3/2011 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp

với quy định của pháp luật. Các chứng từ về việc giải ngân, về số tiền đã thanh toán, số tiền bán tài sản thế chấp được trừ vào nợ gốc cũng như số tiền gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn chưa thanh toán do Ngân hàng cung cấp là chính xác. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc vợ chồng ông D phải thanh toán trả Ngân hàng khoản nợ tính đến hết ngày 17/3/2021 là 1.807.426.592 đồng (trong đó nợ gốc là 257.234.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 8.991.391 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.541.201.201 đồng).

- Đối với yêu cầu buộc vợ chồng ông D phải tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 18/3/2021:

Theo quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 về lãi suất cấp tín dụng và theo nội dung thỏa thuận của các đương sự về nghĩa vụ chịu lãi, lãi suất trong “*Hợp đồng tín dụng*” số 0090/HĐTD/GPBHK/2011 và “*Khế ước nhận nợ*” số 01.0090/KU'NN-GPBHK/11 cùng ngày 11/3/2011 thì vợ chồng ông D phải tiếp tục chịu lãi đối với số nợ gốc chậm thanh toán theo lãi suất các bên đã thỏa thuận. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng có căn cứ chấp nhận. Như vậy, ngoài số tiền nợ tính đến ngày 17/3/2021 phải thanh toán, vợ chồng ông D còn phải tiếp tục chịu lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong “*Hợp đồng tín dụng*” số 0090/HĐTD/GPBHK/2011 và “*Khế ước nhận nợ*” số 01.0090/KU'NN-GPBHK/11 cùng ngày 11/3/2011 kể từ ngày 18/3/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- Đối với yêu cầu buộc vợ chồng ông D phải thanh toán khoản tiền lãi phạt trên lãi chậm trả: Trước khi mở phiên tòa, đại diện nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu buộc vợ chồng ông D phải thanh toán khoản nợ lãi phạt chậm trả tiền lãi là 29.000.608 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của Ngân hàng là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[2]. Về yêu cầu được đề nghị Cơ quan Thi hành án thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ

Tại khoản 16 Mục VII của văn bản “*Các điều khoản chung của Hợp đồng tín dụng*” kèm theo “*Hợp đồng tín dụng*” số 0090/HĐTD/GPBHK/2011 ngày 11/3/2011 có nội dung: “*Trong trường hợp Ngân hàng phải thu hồi nợ, kể cả thu hồi nợ trước hạn, bên vay cam kết dùng mọi nguồn thu hợp pháp và/hoặc thanh lý bất cứ tài sản nào thuộc sở hữu hợp pháp của Bên vay để Ngân hàng thu hồi nợ*”. Như vậy, yêu cầu

của Ngân hàng về việc được đề nghị Cơ quan Thi hành án thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng pháp luật nên chấp nhận.

[3]. Đối với ý kiến của ông Nguyễn Xuân D đề nghị xem xét lại việc Ngân hàng bán tài sản thế chấp với giá 350.000.000 đồng là quá thấp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo nội dung “*Hợp đồng ủy quyền*” được công chứng tại Văn phòng công chứng Thăng Long số 2481.2013/HĐUQ ngày 17/9/2013, vợ chồng ông D đã ủy quyền cho Ngân hàng toàn quyền thay mặt và nhân danh vợ chồng ông D thực hiện việc bán tài sản thế chấp theo giá cả và phương thức do Ngân hàng quyết định. Ngân hàng đã bán tài sản bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn không đồng ý xem xét lại việc bán tài sản bảo đảm. Ông D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho đề nghị của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận đề nghị của ông D.

- **Về án phí:** Vợ chồng ông D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các điều 412, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D đối với vợ chồng ông Nguyễn Xuân D, bà Nguyễn Thị Đ về việc buộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn theo “*Hợp đồng tín dụng*” số 0090/HĐTD/GPBHK/2011 và “*Khế ước nhận nợ*” số 01.0090/KUNN-GPBHK/11 cùng ngày 11/3/2011. Cụ thể:

1.1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Xuân D, bà Nguyễn Thị Đ phải thanh toán trả cho Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D số tiền còn nợ tính đến ngày 17/3/2021 gồm các khoản sau:

- Tiền gốc: 257.234.000 đồng;
- Tiền lãi trong hạn: 8.991.391 đồng;
- Tiền lãi quá hạn: 1.541.201.201 đồng.

Tổng cộng: 1.807.426.592 đồng (*Một tỷ tám trăm linh bảy triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm chín mươi hai đồng*).

1.2. Kể từ ngày 18/3/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc, vợ chồng ông Nguyễn Xuân D, bà Nguyễn Thị Đ còn phải tiếp tục chịu lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn trong “*Hợp đồng tín dụng*” số 0090/HĐTD/GPBHK/2011 và “*Khế ước nhận nợ*” số 01.0090/KUNN-GPBHK/11 cùng ngày 11/3/2011.

1.3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu buộc vợ chồng ông D phải thanh toán khoản nợ lãi phạt chậm trả tiền lãi là 29.000.608 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D về việc có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng trong trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Xuân D, bà Nguyễn Thị Đ không thanh toán được khoản nợ nêu trên.

4. Về án phí:

- Vợ chồng ông Nguyễn Xuân D, bà Nguyễn Thị Đ phải nộp 66.222.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;
- Hoàn trả Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D 32.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số AA/2015/0004932 ngày 16/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Hưng